

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **152/2024/HNGĐ- ST**

Ngày: 28/6/2024

V/v: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con  
khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đào Thị Mai Hương

2. Bà Triệu Thị Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lý Thị Nam Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang** tham gia phiên tòa: Bà Lương Nguyễn Thảo Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 61/2024/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 3 năm 2024, về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNG ngày 29 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024 giữa:

\* *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn 4, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

\* *Bị đơn:* Anh Mai Văn C; sinh năm 1982; Địa chỉ: xóm Tân Biên 2, Xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

*(Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Q trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: tháng 12 năm 2012, chị kết hôn với anh Mai Văn C, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và được UBND Xã T, huyện Y tỉnh Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 30/12/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc được một khoảng thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, cuộc sống ngày càng căng thẳng. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần ngồi lại với nhau trao đổi một cách tích cực để tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể tìm được tiếng nói chung, vợ chồng vẫn không thể hòa thuận với nhau, hiện vợ chồng anh chị đã ly thân được 06 năm. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mai Văn C, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

Về con chung: anh chị có 02 con chung là cháu Mai Phương N, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Mai Hoàng L, sinh ngày 03/07/2015. Hiện tại, hai cháu đang ở với anh Mai Văn C. Do đó, nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi con. Về yêu cầu cấp dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng cho các cháu hàng tháng theo khả năng thực tế do công việc của chị cũng không ổn định. Trường hợp anh C có yêu cầu cấp dưỡng, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị Q xác định không có nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên anh C không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, Chị Q giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 228, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Q, xử cho chị Ngọc được ly hôn với anh Mai Văn C. Về con chung: Giao 02 con chung là Mai Phương N, sinh ngày: 02/11/2013 và cháu Mai Hoàng L, sinh ngày: 03/07/2015 cho

anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nên Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản, công nợ chung: Chị Q xác định không có nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí và quyền kháng cáo: Đề nghị HĐXX buộc Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Q và anh C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Q khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao con chung khi ly hôn do vậy quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định anh Mai Văn C hiện đang cư trú, sinh sống tại xóm Tân Biên 2, Xã T, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Anh C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Q, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với anh Mai Văn C: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh C đang sinh sống thường xuyên xác định: Chị Q và anh C kết hôn từ năm 2012 tại UBND Xã T trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, Chị Q sống tại nhà anh C. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được, nhưng hiện nay vợ chồng Chị Q anh C đã sống ly thân, không còn tồn tại một gia đình hạnh phúc tiến bộ. Bản thân Chị Q xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn theo Chị Q xác định do bất đồng quan điểm sống, không cùng quan điểm về cách nuôi dạy con, cách sinh hoạt, quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, tình cảm vợ chồng đi xuống. Mặc dù vợ chồng cũng đã nhiều lần ngồi lại với nhau trao đổi một cách tích cực để tìm ra cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không thể tìm được tiếng nói chung, vợ chồng vẫn không thể hòa thuận với nhau, hiện vợ chồng anh chị đã ly thân được 06 năm. Quá trình giải quyết vụ án, anh C không có

ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh C cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ.

Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị Q và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị Q là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị Q và anh C có 02 con chung là cháu Mai Phương N, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Mai Hoàng L, sinh ngày 03/07/2015, kết quả xác minh xác định anh C hiện tại đang trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu. Anh C là lao động tự do, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ - 7.000.000đ/ tháng, có chỗ ở ổn định, đảm bảo mọi điều kiện để nuôi con. Chị Q sống ly thân với anh C đến nay đã được 06 năm, không trực tiếp nuôi con. Cháu Nam và cháu Linh đã trên 7 tuổi, có nguyện vọng được sống cùng bố, Chị Q cũng có ý kiến giao cho anh C nuôi dưỡng. Vì vậy, quá trình giải quyết vụ án mặc dù anh C không hợp tác, không trình bày quan điểm về việc giao nuôi con chung khi ly hôn, nhưng căn cứ vào kết quả xác minh và ý kiến của Chị Q, của các con anh Chị Q Chính, HĐXX xét thấy cần giao cả hai cháu cho anh C nuôi dưỡng là phù hợp. Anh C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Chị Q không phải cấp dưỡng. Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị Q xác định không có không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Q phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh C không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

**Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Q.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** xử cho chị Phạm Thị Q được ly hôn anh Mai Văn C (Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 30/12/2012 tại Ủy ban nhân dân Xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang).

**2. Về nuôi con chung:** Giao 02 con chung là cháu Mai Phương N, sinh ngày 02/11/2013 và cháu Mai Hoàng L, sinh ngày 03/07/2015 cho anh Mai Văn C trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh C không yêu cầu). Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Chị Q phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001150 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Mai Văn C không phải nộp án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

***Nơi nhận***

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND Xã T (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Toàn**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đào Thị Mai Hương - Triệu Thị Hà**

**Nguyễn Văn Toàn**